

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế xử lý kỷ luật công chức cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ, về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ, về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2007/TT-BNV ngày 12 tháng 6 năm 2007 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn thực hiện chế độ kỷ luật công chức cấp xã;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 380/TTr-SNV, ngày 02 tháng 11 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định ban Quy chế xử lý kỷ luật công chức cấp xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nơi nhận: *hbc*

- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- CT các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (để giám sát);
- Như điều 3;
- Công báo tỉnh; Báo Đắk Lắk;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở tư pháp;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các chuyên viên NCVP;
- P.Nội vụ LĐTB&XH các huyện, TP;
- Lưu VT, TH.



LỮ NGỌC CỬ

QUY CHẾ

Xử lý kỷ luật công chức cấp xã

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2007/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I Những qui định chung

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh.

1. Quy chế này quy định về việc xử lý kỷ luật đối với công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là công chức cấp xã) vi phạm các quy định của Pháp luật.

2. Đối tượng điều chỉnh tại Quy chế này đối với công chức cấp xã quy định tại khoản 2, Điều 2 của Nghị định số 114/2003/NĐ-CP. Bao gồm các chức danh: Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính qui); Chỉ huy Trưởng quân sự; Văn phòng - Thông kê; Địa chính- Xây dựng; Tài chính -Kế toán; Tư pháp - Hộ tịch; Văn hoá - Xã hội.

3. Các trường hợp sau đây nếu vi phạm pháp luật cũng xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế này, bao gồm: công chức cấp xã đang nghỉ chế độ chờ làm thủ tục hưu trí; công chức cấp xã sau khi điều động công tác về các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác mới phát hiện vi phạm kỷ luật.

Điều 2. Các trường hợp bị xử lý kỷ luật

Công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật trong các trường hợp sau:

1. Vi phạm nghĩa vụ của công chức quy định tại Điều 8, Nghị định số 114/2003/NĐ-CP;

2. Vi phạm những việc cán bộ, công chức không được làm quy định tại Điều 11, Nghị định số 114/2003/NĐ-CP;

3. Vi phạm việc thực hiện Quy chế làm việc quy định tại Điều 9, Nghị định số 114/2003/NĐ-CP;

4. Vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị Tòa án tuyên là có tội nhưng chưa bị phạt tù giam;

5. Vi phạm pháp luật bị cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về hành vi vi phạm

6. Vi phạm quản lý và sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp; gian dối trong kê khai hồ sơ lý lịch;

7. Trong thời gian được cử đi học tập, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ vi phạm quy chế đào tạo;

8. Vi phạm các quy định của Nhà nước về phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy;

Điều 3. Những trường hợp chưa xem xét kỷ luật đối với công chức cấp xã

1. Đang trong thời gian nghỉ phép, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cho phép.

2. Đang điều trị tại các bệnh viện.

3. Đang tạm giam, tạm giữ chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh và kết luận đối với hành vi vi phạm pháp luật.

4. Công chức nữ nghỉ thai sản.

Điều 4. Những trường hợp không áp dụng các hình thức kỷ luật đối với công chức cấp xã:

1. Có hành vi vi phạm pháp luật trong trường hợp mất năng lực hành vi dân sự theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Phải thi hành quyết định của cấp trên theo quy định tại khoản 7, Điều 8, Nghị định số 114/2003/NĐ-CP.

3. Vi phạm kỷ luật trong tình thế bất khả kháng khi thi hành nhiệm vụ, công vụ và được cấp có thẩm quyền xác nhận.

Điều 5. Các nguyên tắc xem xét xử lý kỷ luật công chức cấp xã

1. Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng thời hiệu quy định.

2. Khi xử lý kỷ luật công chức phải thành lập Hội đồng kỷ luật, trừ trường hợp công chức phạm tội bị Tòa án phạt tù mà không được hưởng án treo.

3. Quyết định xử lý kỷ luật phải do người có thẩm quyền ký theo đúng quy định của Quy chế này.

4. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật. Nếu công chức có nhiều hành vi vi phạm thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi và chịu hình thức kỷ luật cao hơn một mức.

5. Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của công chức trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật; cấm áp dụng biện pháp phạt tiền thay cho hình thức kỷ luật.

6. Không áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc đối với công chức nữ khi đang có thai và công chức đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Điều 6. Khiếu nại, khởi kiện

1. Trường hợp công chức không đồng ý với quyết định xử lý kỷ luật thì có quyền khiếu nại đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi nhận được khiếu nại của công chức phải có trách nhiệm xem xét trả lời đương sự theo đúng thẩm quyền và đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Giải quyết các kết luận khiếu nại

1. Quyết định xử lý kỷ luật đối với công chức đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền kết luận hoặc Tòa án phán quyết là bị oan thì chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết luận hoặc từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công chức làm việc có trách nhiệm công bố công khai kết luận hoặc phán quyết trên đến toàn thể công chức đồng thời phải có trách nhiệm bồi hoàn những quyền lợi chính đáng đối với công chức theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo kết luận việc xử lý kỷ luật công chức tiến hành không đúng quy định về nội dung, hình thức, quy trình xử lý thì người có thẩm quyền ký quyết định kỷ luật phải ra quyết định hủy bỏ quyết định xử lý kỷ luật đồng thời chỉ đạo người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức tổ chức lại việc xem xét kỷ luật công chức theo đúng quy định.

**Chương II
Xử lý kỷ luật**

**Mục 1
Hình thức và thời hiệu xử lý kỷ luật**

Điều 8. Công chức cấp xã vi phạm các quy định của pháp luật thì phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau:

- 1. Khiển trách;
- 2. Cảnh cáo;
- 3. Hạ bậc lương;
- 4. Cách chức (nếu là Trưởng Công an hoặc Chỉ huy Trường quân sự);
- 5. Buộc thôi việc.

Điều 9. Công chức cấp xã vi phạm pháp luật bị toà án phạt tù mà không được hưởng án treo thì bị buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Điều 10. Thời hiệu xử lý kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là khoảng thời gian quy định phải tiến hành xem xét xử lý kỷ luật công chức và được tính từ thời điểm cơ quan, tổ chức đơn vị có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật xác định công chức có hành vi vi phạm kỷ luật cho đến thời điểm Hội đồng kỷ luật họp.

2. Thời hiệu xử lý kỷ luật quy định là 3 tháng.

3. Trường hợp vụ việc có những tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hiệu xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 6 tháng. Quá thời hiệu xử lý kỷ luật thì chấm dứt việc xem xét kỷ luật công chức.

4. Trường hợp công chức liên quan đến vụ việc đang bị các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố, xét xử thì thời hiệu xem xét xử lý kỷ luật tính từ ngày phán quyết của Tòa án về hành vi vi phạm của công chức có hiệu lực pháp luật.

5. Trường hợp phải tiến hành xem xét lại việc kỷ luật công chức quy định tại khoản 2, Điều 7 của Quy chế này thì thời hiệu xem xét xử lý kỷ luật được tính từ khi nhận được kết luận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

6. Thời gian tạm thời chưa xem xét kỷ luật đối với các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này không tính vào thời hiệu xem xét xử lý kỷ luật. Thời hiệu xem xét xử lý kỷ luật đối với các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này được tính từ ngày công chức đi làm trở lại bình thường.

7. Thực hiện trách nhiệm xử lý kỷ luật: Người được giao thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức cấp xã nếu chưa xử lý kỷ luật công chức cấp xã vi phạm kỷ luật trong thời hiệu quy định thì bị xử lý kỷ luật từ khiển trách cho đến cách chức.

Điều 11. Việc tạm giam và đình chỉ công tác

1. Việc tạm đình chỉ:

- Trong thời gian đang bị xem xét kỷ luật công chức có thể bị cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý ra quyết định tạm đình chỉ công tác nếu xét thấy công chức đó tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xác minh hoặc tiếp tục có hành vi vi phạm.

- Thời hạn tạm đình chỉ công tác không quá 15 ngày. Trường hợp đặc biệt do có nhiều tình tiết phức tạp cần được làm rõ thì có thể kéo dài nhưng không được quá 3 tháng.

- Hết thời hạn tạm đình chỉ công tác, nếu công chức chưa bị xử lý kỷ luật thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý phải bố trí công chức về vị trí công tác cũ hoặc bố trí công việc phù hợp.

- Trong thời gian bị tạm đình chỉ công tác, công chức được hưởng 50% tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có). Sau khi cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, nếu cán bộ, công chức không bị xử lý kỷ luật thì được truy lĩnh phần tiền lương và phụ cấp (nếu có) còn lại trong thời gian tạm đình chỉ công tác, thời gian tạm đình chỉ công tác được tính vào thời gian để nâng bậc lương. Trường hợp công chức bị xử lý kỷ luật thì không được truy lĩnh phần tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có) còn lại, thời gian tạm đình chỉ công tác tính đến khi có quyết định kỷ luật không được tính là thời gian để nâng bậc lương.

- Việc tạm đình chỉ công tác của công chức cấp xã chỉ thực hiện trong thời hiệu xử lý kỷ luật.

2. Việc tạm giam:

Công chức cấp xã bị tạm giam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật mà chưa có kết luận đầy đủ về vi phạm thì chưa tiến hành xem xét kỷ luật.

Mục 2

Hội đồng kỷ luật

Điều 12. Hội đồng kỷ luật

1. Thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật:

Hội đồng kỷ luật do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập, Hội đồng kỷ luật làm việc theo các quy định tại Quy chế này và tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Số lượng thành viên tham gia Hội đồng kỷ luật là 5 người, bao gồm các thành phần cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng kỷ luật là đại diện lãnh đạo UBND cấp xã.
- Một uỷ viên là đại diện Thường trực HĐND cấp xã.
- Một uỷ viên là đại diện cấp uỷ cấp xã
- Một uỷ viên là đại diện Công đoàn cấp xã.
- Một uỷ viên là đại diện một trong các đoàn thể.

Điều 13. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng kỷ luật

1. Khách quan, công khai, dân chủ và theo các quy định hiện hành.

2. Hội đồng kỷ luật chỉ họp khi có đầy đủ các thành viên Hội đồng.

3. Kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật được thực hiện thông qua biểu quyết bằng phiếu kín và theo nguyên tắc đa số.

4. Hội đồng kỷ luật họp phải có biên bản và được Hội đồng thông qua trước khi Chủ tịch Hội đồng ký.

Điều 14. Các thành phần được mời tham dự họp Hội đồng kỷ luật

1. Hội đồng kỷ luật có thể mời đại diện của tổ chức chính trị, chính trị xã hội có công chức vi phạm đang sinh hoạt đến dự họp. Ngoài ra nếu công chức cấp xã vi phạm kỷ luật trong nhiệm kỳ trước, nay nhiệm kỳ mới thay đổi người lãnh đạo thì Hội đồng kỷ luật công chức cấp xã có thể mời lãnh đạo nhiệm kỳ trước tham dự cuộc họp Hội đồng kỷ luật.

2. Các thành phần quy định ở khoản 1 Điều này khi dự họp Hội đồng kỷ luật được tham gia phát biểu ý kiến và đề xuất mức thi hành kỷ luật nhưng không được quyền biểu quyết.

3. Người có quan hệ gia đình với công chức cấp xã vi phạm kỷ luật nói tại khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 35/2005/NĐ-CP không được tham gia thành viên Hội đồng kỷ luật bao gồm:

- Cha, mẹ đẻ, cha, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng được pháp luật công nhận;
- Cha, mẹ vợ hoặc chồng;
- Vợ hoặc chồng của người vi phạm;
- Anh, chị, em ruột; anh, chị, em dâu (rê) được pháp luật công nhận;
- Con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi được pháp luật công nhận.

Điều 15. Thư ký Hội đồng kỷ luật

1. Thư ký Hội đồng kỷ luật là công chức Văn phòng -Thống kê cấp xã do Chủ tịch Hội đồng kỷ luật chỉ định. Trường hợp xem xét kỷ luật công chức Văn phòng -Thống kê cấp xã do Chủ tịch Hội đồng kỷ luật chỉ định thư ký.

2. Thư ký Hội đồng kỷ luật có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc xử lý kỷ luật và chịu trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng kỷ luật.

Mục 3

Quy trình xem xét xử lý kỷ luật

Điều 16. Công tác chuẩn bị họp Hội đồng kỷ luật

1. Công chức vi phạm kỷ luật phải làm bản kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức có trách nhiệm tổ chức cuộc họp để người vi phạm kỷ luật kiểm điểm trước tập thể cơ quan, tổ chức, đơn vị. Biên bản cuộc họp kiểm điểm có kiến nghị hình thức kỷ luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Hồ sơ trình Hội đồng kỷ luật gồm: bản kiểm điểm của người vi phạm kỷ luật; biên bản họp kiểm điểm người vi phạm kỷ luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị; trích ngang sơ yếu lý lịch của người vi phạm kỷ luật, các tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc xử lý kỷ luật.

4. Công chức vi phạm kỷ luật được Hội đồng kỷ luật gửi giấy báo triệu tập trước khi Hội đồng kỷ luật họp 07 ngày.

Trường hợp nếu công chức vi phạm vắng mặt thì phải có lý do chính đáng. Nếu đã gửi giấy triệu tập 02 lần mà đương sự vẫn vắng mặt hoặc trường hợp người vi phạm kỷ luật không chịu viết bản kiểm điểm theo yêu cầu của cơ quan quản lý công chức thì Hội đồng kỷ luật vẫn họp xem xét và kiến nghị hình thức kỷ luật.

5. Đối với công chức cấp xã tự ý bỏ việc đã được cơ quan gửi giấy gọi 3 lần mà không có mặt, Hội đồng kỷ luật vẫn họp xem xét kiến nghị hình thức kỷ luật theo quy định

Điều 17. Trình tự họp Hội đồng kỷ luật

1. Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do, giới thiệu các thành viên tham dự.

2. Thư ký Hội đồng trình bày trích ngang sơ yếu lý lịch, hồ sơ và các tài liệu có liên quan.

3. Người vi phạm kỷ luật đọc bản kiểm điểm. Trường hợp người vi phạm vắng mặt thì Thư ký Hội đồng đọc giúp bản kiểm điểm.

4. Thư ký Hội đồng đọc biên bản cuộc họp kiểm điểm người vi phạm của tập thể cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Các thành viên Hội đồng và các đại biểu dự họp phát biểu ý kiến.

6. Công chức vi phạm kỷ luật phát biểu ý kiến về hình thức kỷ luật trước khi Hội đồng kỷ luật bỏ phiếu kín.

7. Hội đồng kỷ luật bỏ phiếu kín kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật.

8. Kiến nghị hình thức kỷ luật của Hội đồng được thông báo tại cuộc họp.

9. Trường hợp có nhiều công chức cấp xã trong cùng cơ quan vi phạm kỷ luật thì Hội đồng kỷ luật có thể xem xét xử lý trong cùng một phiên họp. Biên bản cuộc họp được lập theo trình tự xem xét kỷ luật đối với từng công chức cấp xã vi phạm.

Điều 18. Thời hạn và trách nhiệm ra quyết định kỷ luật

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc cuộc họp, Hội đồng kỷ luật phải có văn bản (kèm theo biên bản, các hồ sơ, tài liệu có liên quan) gửi người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý công chức.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ, tài liệu của Hội đồng kỷ luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền phải ra quyết định kỷ luật bằng văn bản.

3. Trường hợp kiến nghị của Hội đồng kỷ luật (hoặc ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị) khác với ý kiến của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền mà sau khi trao đổi, thảo luận không thống nhất thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị tự quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 19. Quản lý hồ sơ kỷ luật

1. Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định thi hành kỷ luật phải được lưu giữ trong hồ sơ công chức.

2. Hình thức kỷ luật phải ghi vào lý lịch của công chức.

Điều 20. Trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp phát hiện công chức đang nghỉ công tác chờ thủ tục hưu trí có hành vi vi phạm kỷ luật trong thời gian thi hành nhiệm vụ, công vụ trước khi nghỉ công tác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý công chức vẫn tiến hành xem xét xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế này.

2. Trường hợp công chức sau khi chuyển công tác về các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác mới phát hiện vi phạm kỷ luật thì cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ vẫn tiến hành xem xét kỷ luật theo quy định tại Quy chế này. Sau đó gửi toàn bộ hồ sơ và quyết định kỷ

luật về cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý công chức đó để lưu vào hồ sơ công chức và theo dõi quản lý.

3. Trường hợp sau khi thành lập mới, sát nhập, chia tách xã, phường, thị trấn mới phát hiện công chức cấp xã vi phạm kỷ luật trong thời gian ở đơn vị hành chính cũ thì cơ quan hiện đang có thẩm quyền xử lý công chức cấp xã tiến hành xem xét kỷ luật. Hội đồng kỷ luật khi họp có thể mời đại diện lãnh đạo cơ quan sử dụng trực tiếp công chức cấp xã trước đây đến cùng dự và phát biểu ý kiến.

Mục 4

Áp dụng hình thức kỷ luật

Điều 21. Hình thức khiển trách: áp dụng đối với công chức có hành vi vi phạm kỷ luật lần đầu nhưng ở mức độ nhẹ.

Điều 22. Hình thức cảnh cáo

Áp dụng đối với công chức đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng khuyết điểm có tính chất thường xuyên hoặc tuy mới vi phạm lần đầu nhưng có tính chất tương đối nghiêm trọng; vi phạm lần đầu nhưng liên quan đến tư cách, phẩm chất của công chức, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị; vi phạm nghĩa vụ công chức liên quan đến trách nhiệm rèn luyện, học tập, kỷ cương, tác phong của công chức; làm giả hồ sơ, lý lịch và sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp nhưng chưa gây hậu quả; vi phạm ở mức độ nhẹ quy định những việc công chức không được làm của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.

Điều 23. Hình thức hạ bậc lương

Áp dụng đối với công chức vi phạm nghĩa vụ công chức đang trong thời gian bị kỷ luật cảnh cáo mà tái phạm; liên quan đến đạo đức công vụ và vi phạm kỷ luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định; làm giả hồ sơ, lý lịch và sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp để được nâng bậc lương hoặc nâng ngạch; vi phạm kỷ luật và pháp luật nghiêm trọng trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ; vi phạm tương đối nghiêm trọng những điều cấm, công chức không được làm quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ-CP.

Điều 24. Hình thức cách chức

Áp dụng đối với công chức giữ chức vụ có hành vi vi phạm kỷ luật và pháp luật nghiêm trọng không thể để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ được giao.

Điều 25. Hình thức buộc thôi việc

1. Áp dụng đối với công chức phạm tội bị Tòa án phạt tù giam.

2. Hội đồng kỷ luật có thể kiến nghị người có thẩm quyền quyết định hình thức kỷ luật buộc thôi việc đối với các trường hợp sau:

a) Công chức đang trong thời gian thi hành một trong các hình thức kỷ luật hạ bậc lương, cách chức mà tái phạm hoặc tiếp tục vi phạm kỷ luật;

- b) Công chức tuy có hành vi vi phạm lần đầu nhưng tính chất và mức độ vi phạm rất nghiêm trọng, không còn xứng đáng đứng trong đội ngũ công chức;
- c) Công chức sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp để được tuyển dụng;
- d) Công chức nghiện ma túy;
- đ) Công chức tự ý bỏ việc và đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi giấy gọi 3 lần mà không đến.

Mục 5

Chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và các quy định liên quan

Điều 26. Chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật

1. Sau 12 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu công chức không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật.
2. Cấp có thẩm quyền khi ban hành quyết định kỷ luật phải có điều khoản ghi rõ thời gian công chức bị thi hành kỷ luật, tính từ khi ban hành quyết định kỷ luật đến thời điểm đủ 12 tháng theo quy định.

Điều 27. Các quy định liên quan đến công chức bị kỷ luật (trừ trường hợp bị buộc thôi việc)

1. Công chức bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức thì bị kéo dài thời gian nâng bậc lương thêm một năm.
2. Công chức bị kỷ luật bằng một trong các hình thức từ khiển trách đến cách chức thì không được nâng ngạch hoặc bổ nhiệm vào các chức vụ cao hơn trong thời hạn ít nhất một năm, kể từ khi có quyết định kỷ luật.
3. Công chức bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể được bố trí vị trí công tác cũ hoặc chuyển làm công tác khác.
4. Công chức đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật thì không thực hiện việc điều động, biệt phái, bổ nhiệm, giải quyết nghỉ hưu hoặc giải quyết chế độ thôi việc.
5. Sau khi chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật, việc xếp lương, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo cho công chức bị kỷ luật ở hình thức hạ bậc lương, cách chức do cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Quy định liên quan đến công chức bị kỷ luật buộc thôi việc

1. Công chức bị kỷ luật buộc thôi việc không được hưởng chế độ thôi việc theo quy định của nhà nước nhưng được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận thời gian làm việc đã đóng bảo hiểm xã hội để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ công chức bị kỷ luật buộc thôi việc do cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức lưu giữ. Trường hợp công chức sau khi bị kỷ luật buộc thôi việc cần hồ sơ, lý lịch của mình thì được cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức cấp bản sao hồ sơ, lý lịch (có xác nhận).

3. Công chức nếu bị kỷ luật ở hình thức buộc thôi việc thì sau 12 tháng (tính từ ngày ký quyết định kỷ luật) có thể được đăng ký dự tuyển lại vào làm công chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước, nhưng không được đăng ký dự tuyển vào các vị trí công tác có liên quan đến nhiệm vụ, công vụ đã đảm nhiệm trước đây.

Điều 29. Quy định đối với công chức bị kỷ luật oan, sai

Trường hợp công chức bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự mà đã được cấp có thẩm quyền kết luận là oan sai thì ngoài việc được phục hồi về danh dự và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật, còn được bố trí công tác phù hợp, được hưởng mức lương tương ứng với mức lương trước khi bị xử lý kỷ luật; thời gian thi hành quyết định kỷ luật mà sau đó được kết luận là oan, sai thì được tính vào thời gian để nâng bậc lương.

Điều 30. Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét và quyết định kỷ luật đối với công chức cấp xã.

Chương III

Điều khoản thi hành

Điều 31. Giám đốc Sở Nội Vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp việc triển khai tổ chức thực hiện Quy chế này, định kỳ cuối năm báo cáo kết quả thực hiện với UBND Tỉnh.

Điều 32. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy chế này. /.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



LỮ NGỌC CỬ